

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 09-01-2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lê Thị Thùy T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

Đại diện ủy quyền: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Lê Văn Tr, sinh năm 1978.

Lê Thị X, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị N có mặt; ông Tr, bà X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị Thùy T, chị Đỗ Thị Thu N trình bày:*

Ông Lê Văn Tr và bà Lê Thị X có nhiều lần mượn tiền của bà Lê Thị T, cụ thể như sau:

Ngày 22/8/2022 âm lịch (ngày 17/9/2022 dương lịch), ông Tr và bà X mượn của bà T 30.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2022 âm lịch (ngày 09/10/2022 dương lịch), ông Tr và bà X mượn của bà T 35.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2022 âm lịch (ngày 07/12/2022 dương lịch), ông Tr và bà X mượn của bà T 40.000.000 đồng.

Ngày 03/12/2022 âm lịch (ngày 25/12/2022 dương lịch), ông Tr và bà X mượn của bà T 30.000.000 đồng. Ông Tr, bà X có trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng.

Tổng cộng ông Tr, bà X còn nợ bà T 110.000.000 đồng. Bà T nhiều lần yêu cầu ông Tr, bà X trả tiền cho bà T, nhưng không trả.

Nay bà T yêu cầu ông Tr và bà X liên đới trả cho bà T 110.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi; yêu cầu trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn Tr vắng mặt không rõ lý do; theo tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải; ông Tr trình bày:*

Ông Lê Văn Tr là chồng của bà Lê Thị X. Bà X có vay của bà T 110.000.000 đồng. Ông Tr đồng ý liên đới với bà X trả lại cho bà T 110.000.000 đồng; yêu cầu trả dần tiền trong thời hạn 03 năm.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Lê Thị X vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.*

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông Tr và bà X liên đới trả cho bà T 110.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ, giải quyết theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[2] Ông Tr và bà X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, xét xử vắng mặt ông Tr, bà X theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày, yêu cầu của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xét thấy:

- Ông Tr thừa nhận bà Lê Thị X có vay của bà Lê Thị Thùy T số tiền 110.000.000 đồng; đồng thời, chị N (đại diện ủy quyền của bà T) có cung cấp các tờ giấy viết tay (bút lục số 10 – 11) có chữ ký, chữ viết họ tên của bà X, thể hiện bà X và ông Tr có vay của bà T tổng số tiền 110.000.000 đồng. Bà T nhiều lần yêu cầu ông Tr, bà X trả tiền; nhưng không trả. Bà X đã được nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ, nội dung yêu cầu của bà T cho bà X nhưng bà X vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý

kiến; chứng tỏ bà X đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

Xét ông Tr với bà X là vợ chồng, có chung sống cùng nhau, cũng như việc vay tiền sử dụng chung trong gia đình trong thời kỳ hôn nhân; nên ông Tr và bà X liên đới trả tiền cho bà T. Ông Tr đồng ý liên đới với bà X trả cho bà T 110.000.000 đồng, yêu cầu trả dần tiền trong thời hạn 03 năm; nhưng chị N (đại diện theo ủy quyền của bà T) không đồng ý. Do đó ông Tr và bà X phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 110.000.000 đồng, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét bà T không yêu cầu tính lãi suất; nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Tr và bà X phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.
- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy T.

1. Buộc ông Lê Văn Tr và bà Lê Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Thùy T số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Tr và bà X phải liên đới chịu 2.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà T 2.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0012547 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T, chị N (đại diện theo ủy quyền của bà T) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Tr, bà X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu